

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá trị bồi thường di dời mồ mả do GPMB để xây dựng Khu
Đô thị mới Long Vân (Khu A2), phường Trần Quang Diệu, TP Quy Nhơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/2/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 54/2017/QĐ-UBND ngày 21/9/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mả khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 1943/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu Đô thị mới Long Vân (Khu A2), phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 621/TTr-STNMT ngày 23/7/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá trị bồi thường di dời mồ mả do GPMB để xây dựng Khu Đô thị mới Long Vân (Khu A2), phường Trần Quang Diệu, TP Quy Nhơn và chi phí GPMB (2%) là 456.691.000 đồng, trong đó:

- Tổng giá trị bồi thường là 447.737.000 đồng;
- Chi phí phục vụ GPMB (2%) là 8.954.000 đồng.

(Trong đó, chi phí thẩm định 0,2% là 895.000 đồng. Riêng chi phí thẩm định của Sở TNMT là 626.000 đồng)

(Có phụ lục kèm theo)

Nguồn vốn: Từ nguồn vốn Ngân sách.

Trong quá trình thực hiện di dời, nếu thực tế phát sinh mộ có xác chưa phân hủy và mộ chưa kê khai, Trung tâm Phát triển quỹ đất có trách nhiệm lập Biên bản kiểm kê và trình phê duyệt bổ sung giá trị bồi thường di dời thực tế theo quy định.

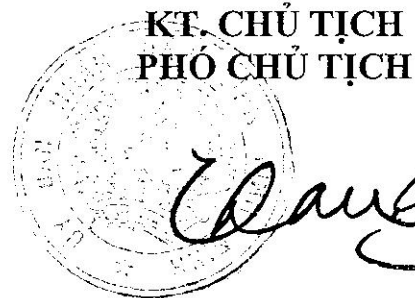


Điều 2. Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh chủ trì, phối hợp với các ngành và địa phương tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT P.C.Thắng;
- CVP, PVPKT;
- Lưu: VT, K7, K14 (20b). *ph*



Phan Cao Thắng

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG DI DỜI MỎ MÀ DO GPMB ĐỀ XÂY DỰNG KHU ĐÔ THỊ
MỚI LONG VÂN (KHU A2), PHƯỜNG TRẦN QUANG DIỆU, THÀNH PHỐ QUY NHƠN**

(Kèm theo Quyết định số 2105/QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2019 của UBND tỉnh)

Phụ lục

DVT : Đồng

TT	Hộ gia đình	Địa chỉ	Số lượng mộ di dời			Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)			
			Mộ đất	Mộ xây	Cộng	Bồi thường di dời mỏ mà	Vật kiến trúc quanh mộ	Cây cối	Cộng
a	b	c	d	e	f= d + e	g	h	i	k = g + h + i
1	Tô Thanh	Tổ 11, KV2, P. Trần Quang Diệu	14	2	16	109,180,516	1,336,200		110,517,000
2	Phan Thị Tuyết Mai	Tổ 12, KV2, P. Trần Quang Diệu	1	2	3	27,885,077	278,760		28,164,000
3	Đoàn Văn Vĩ	Tổ 2, KV1, P. Trần Quang Diệu	1		1	1,518,000			1,518,000
4	Đỗ Xuân	Tổ 2, KV1, P. Trần Quang Diệu	7		7	10,626,000		750,000	11,376,000
5	Tô Thị Nhân	Tổ 2, KV 2, P. Trần Quang Diệu	19		19	28,842,000			28,842,000
6	Phan Ngọc Ân	Tổ 8, KV 2, P. Trần Quang Diệu	2		2	3,036,000			3,036,000
7	Nguyễn Thị Thạo, cháu Huỳnh Thanh Minh (BĐKK)	Tổ 12, KV2, P. Trần Quang Diệu	6		6	9,108,000			9,108,000
8	Nguyễn Tấn Giit	Tổ 3, KV2, P. Trần Quang Diệu	2		2	3,036,000			3,036,000
9	Nguyễn Tánh	Tổ 5, KV2, P. Trần Quang Diệu	54		54	81,972,000	856,800		82,829,000
10	Nguyễn Tấn Long	Tổ 9, KV2, P. Trần Quang Diệu	7		7	10,626,000			10,626,000
11	Trần Văn Vinh	Tổ 3, KV2, P. Trần Quang Diệu	1		1	1,518,000			1,518,000
12	Nguyễn Văn Lái	Tổ 3, KV2, P. Trần Quang Diệu	3		3	4,554,000			4,554,000

TT	Hộ gia đình	Địa chỉ	Số lượng mộ đi dòi			Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)			
			Mộ đất	Mộ xây	Cộng	Bồi thường đi dòi mộ mã	Vật kiến trúc quanh mộ	Cây cối	Cộng
13	Nguyễn Văn Trọng	Tổ 5, KV2, P. Trần Quang Diệu	19	2	21	85,549,568	7,933,140	169,440	93,652,000
14	Đặng Xuân Long	Tổ 12, KV2, P. Trần Quang Diệu	9		9	13,662,000			13,662,000
15	Nguyễn Hai	Tổ 12, KV2, P. Trần Quang Diệu	6		6	9,108,000			9,108,000
16	Trần Thị Ngọc Hải, con Nguyễn Trọng Sanh ĐĐKK	Tổ 4, KV 2, P. Trần Quang Diệu	3	2	5	13,512,000	971,040		14,483,000
17	Nguyễn Thị Thu, cháu Nguyễn Trọng Sanh ĐĐKK	Tổ 4, KV 2, P. Trần Quang Diệu		1	1	3,492,000			3,492,000
18	Đặng Thành Long	Đội 5, Thôn Diêu Trì, Thị trấn Diêu Trì, Tuy Phước	4		4	6,072,000			6,072,000
19	Mộ vô chủ, vắng chủ (mộ thanh minh)		8		8	12,144,000			12,144,000
A	Cộng		166	9	175	435,441,161	11,375,940	919,440	447,737,000
B	Chi phí dự phòng (10%)								44,773,700
C	Chi phí phục vụ GPMB (A+B) x 2%								9,850,214
D	TỔNG CỘNG (A+B+C) QUY TRÒN								502,361,000

26-